

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **06/2022/HS-ST**

Ngày 13/5/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Sơn và ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Hoài My- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 13/4/2022 đối với bị cáo:

Trần Quang H (tên gọi khác: H), sinh 04/4/1970 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn Thanh Trước, xã TĐ, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang Đông (chết) và bà Phạm Thị Trang (chết); vợ tên Phạm Thị Định và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự:* UBND xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp có ông Phạm Văn T; chức vụ: Chủ tịch UBND xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Phạm Quang B, sinh năm 1987;

2/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1986;

3/ Ông Đỗ N, sinh năm 1958;

4/ Ông Trần Văn D, sinh năm 1979;

5/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989;

6/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: thôn 01, xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

7/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn Thanh Trước, xã TĐ, huyện Bắc Trà My, Quảng Nam.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2019 các đối tượng Nguyễn Văn V, Đỗ N, Trần Văn D và Phạm Văn B đã thuê bị cáo Trần Quang H vào khu vực rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại khoảnh 5, tiểu khu 781, thôn 1, xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam để khai thác trái phép 07 cây gỗ Xoan đào, nhóm VI, với tổng khối lượng thiệt hại là **13,184m³**, cụ thể như sau:

- Vào khoảng tháng 8 năm 2018 (không xác định được ngày), Trần Văn D vào khu vực rừng Ma sông Ví Lớn tìm cây gỗ để cưa xẻ về làm nhà, khi phát hiện có 01 cây gỗ Xoan đào (là cây số 16, có toạ độ: X: 564262; Y: 1696228), có khối lượng 2,046 m³ (sau khi trừ hư hỏng có khối lượng là **1,354 m³**), Trần Văn D thuê bị cáo Trần Quang H đi hạ và cưa xẻ gỗ. Vài ngày sau, Du dẫn Bị cáo H lên khu vực rừng trên để khai thác gỗ. Tại đó, Bị cáo H dùng cưa máy để cưa hạ và cắt cây gỗ trên thành 04 lóng (03 lóng mỗi lóng dài 2,6m và 01 lóng ngọn dài hơn 5m). Sau đó, Bị cáo H cùng Du cưa xẻ cây gỗ trên. Do lóng gốc bị hỏng và lóng ngọn dài hơn 05m bị cong nên bị cáo chỉ xẻ 02 lóng giữa thành 04 cục gỗ khối lượng khoảng 0,7 m³ gỗ thành phẩm. Du trả cho bị cáo số tiền công là 700.000 đ (*bảy trăm ngàn đồng*). Sau khi cưa xẻ xong, Du dùng trâu của mình để vận chuyển một số gỗ trên về nhà và làm các vật dụng để sử dụng trong nhà, số còn lại tại hiện trường là 0,413 m³.

- Vào khoảng tháng 04 (âm lịch) năm 2019 (không xác định được ngày), Nguyễn Văn V đang làm nhà mà thiếu gỗ nên đã lên rừng tại khu vực rừng Ma sông Ví Lớn để tìm gỗ về làm nhà. Tại đó, Viên phát hiện có nhiều cây gỗ chủng loại Xoan đào nên thuê Bị cáo H đi cưa xẻ gỗ. Vài ngày sau, Viên cùng Bị cáo H chuẩn bị vật dụng vào rừng. Khi đến nơi, Viên chỉ cho bị cáo một cây xoan đào (cây số 13, có toạ độ: X: 564 300; Y: 1696 222), có khối lượng 1,972m³ (Trừ 0,188 m³ gỗ bị hư hỏng, còn lại **1,784 m³**), cây này đứng bên đường mòn và yêu cầu Bị cáo H hạ và cưa xẻ. Bị cáo dùng cưa máy cưa hạ cây gỗ trên và dút thành 05 đoạn, trong đó có lóng gốc bị hỏng dài 0,5 m và các lóng còn lại dài từ 2,5m đến 2,7m. Bị cáo H tiến hành cưa xẻ bằng cách bóc hộp (xẻ 04 bìa) được 04 cục gỗ. Sau khi Bị cáo H cưa xẻ xong, Viên thuê Trần Văn D dùng trâu kéo số gỗ thành phẩm về nhà của Viên để sử dụng làm nhà, số gỗ còn lại tại hiện trường là 0,106 m³. Viên tiếp tục chỉ một cây gỗ Xoan đào khác (cây số 14, có toạ độ: X: 564 217; Y: 1696 207), có khối lượng **2,473 m³** (cây này không bị hư hỏng), Viên yêu cầu Bị cáo H tiếp tục hạ, cưa xẻ cây gỗ. Bị cáo H tiếp tục dùng cưa máy cưa hạ cây gỗ. Bị cáo H dút cây gỗ trên thành 04 đoạn và cưa xẻ bằng cách bóc hộp từng đoạn được 04 cục

có kích thước từ 25cm x 25cm đến 26cm x 26cm. Cây gỗ này Viên đưa về nhà hết, không còn gỗ tại hiện trường. Đến khoảng tháng 7, 8 dương lịch năm 2019, Viên tiếp tục thuê Bị cáo H lên lại khu vực trên để hạ, cưa xẻ gỗ về làm nhà. Bị cáo H đồng ý và cùng Viên lên lại khu vực gần hai cây gỗ đã khai thác trước đó. Viên đi theo đường mòn vào bên trong phát hiện 02 cây gỗ xoan đào đứng gần nhau và yêu cầu Hải cưa hạ 02 cây gỗ này. Hải dùng cưa máy cưa hạ 02 cây gỗ trên. Hải dứt cây gỗ (cây số 15, có toạ độ: X: 564 281; Y: 1696 208), có khối lượng $1,221\text{m}^3$ (sau khi trừ hư hỏng, còn lại **0,798** m^3) thành 05 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 2,6 m và 01 đoạn sát gốc dài khoảng nửa mét (bỏ không xẻ). Đối với cây tiếp theo (cây số 17, toạ độ: X: 564309; Y: 1696188), có khối lượng $1,613\text{m}^3$ (sau khi trừ hư hỏng, còn lại **1,412** m^3), Hải dứt thành 04 đoạn dài khoảng từ 2,6m đến 04m, trong đó có một đoạn bị hỏng phần gốc nên dứt bỏ phần hư còn dài khoảng 1,2m - 1,4m. Sau đó, Hải xẻ các đoạn gỗ trên thành tấm theo nhiều quy cách khác nhau. Viên đã trả tiền công cho Hải số tiền là 3.400.000đ (*ba triệu, bốn trăm ngàn đồng*). Toàn bộ số gỗ thành phẩm trên, Viên thuê Trần Văn D, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L (Sáu Ký) dùng trâu để vận chuyển toàn bộ số gỗ của 02 cây này về nhà Viên và Viên đã sử dụng số gỗ trên để làm nhà. Sau đó, cơ quan chức năng đã thu giữ 106 tấm gỗ Xoan đào tại nhà Viên, có khối lượng $0,874\text{m}^3$.

- Vào thời gian khoảng tháng 7/2019 (không xác định được ngày), Đỗ N (Đỗ Bình Yên) lên khu vực rừng như trên tìm gỗ về đóng đồ dùng trong gia đình. Nguyên phát hiện 01 cây gỗ xoan đào (cây số 04, có toạ độ: X: 564249; Y: 1696 319), có khối lượng là $1,967\text{m}^3$ (trừ đi $0,088\text{m}^3$ bị hư hỏng, còn lại **1,879** m^3) nên đã dùng cưa máy chặt hạ. Do không biết cưa xẻ nên khi gặp Hải đang cưa gỗ cho Viên, Nguyên đã thuê Hải dứt đoạn và cưa xẻ cây gỗ trên. Hải và Nguyên dùng cưa máy để dứt cây gỗ thành 04 đoạn mỗi đoạn dài từ 2,5m đến 2,6m. Trong khoảng thời gian 02 ngày, Hải cưa xẻ 03 đoạn gỗ trên (không cưa xẻ đoạn ngọn) ra thành nhiều quy cách khác nhau. Nguyên đã trả công cưa xẻ gỗ cho Hải số tiền là 250.000đ (*hai trăm năm chục ngàn đồng*). Số gỗ trên, Nguyên thuê Trần Văn D dùng trâu để vận chuyển một phần về nhà Nguyên, còn lại tại hiện trường $0,317\text{m}^3$. Ngày 09/8/2019, Hạt kiểm lâm huyện đã tạm giữ tang vật vi phạm hành chính là 10 tấm gỗ xoan đào có khối lượng $1,144\text{m}^3$ tại nhà ông Đỗ N.

- Đến khoảng tháng 12/2019 (không xác định được ngày), Phạm Văn B vào rừng khu vực trên để tìm cây gỗ về làm nhà. Khi vào rừng, Bình phát hiện 01 cây gỗ Xoan đào có khối lượng là **3,484** m^3 (cây số 06, toạ độ: X: 564 255; Y: 1696 176), cây này bị bật gốc. Bình thuê Hải đi cưa xẻ cây gỗ trên để đem về làm nhà. Hải đồng ý và Bình cùng Hải lên rừng để cưa xẻ gỗ. Hải dùng cưa máy dứt thành 03 đoạn, lóng gốc dài 5,2m, lóng 02 và 03 mỗi lóng dài 2,6m. Do lóng gốc bị bông ($0,374\text{m}^3$) nên Hải chỉ xẻ 02 lóng giữa được 37 tấm ván dày 02cm đến 2,5cm, rộng khoảng 25cm đến 30cm và bỏ lại hiện trường một phách dày 22cm, rộng 36cm, dài 2,6m, không cưa xẻ phần ngọn. Bình đã trả cho Hải số tiền công là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Sau đó, Bình thuê Nguyễn Văn H dùng trâu vận chuyển một số gỗ về cho Bình, còn lại tại hiện trường $1,917\text{m}^3$. Số gỗ Bình vận chuyển về nhà đã sử dụng để đóng phen nhà và xẻ rui mè làm nhà.

Tại văn bản số: 11/HĐ-TTHS ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Trà My xác định lại giá trị lâm sản đối với 07 cây gỗ Xoan đào có khối lượng 13,184 m³ do bị cáo Trần Quang H đã khai thác có giá trị là 78.306.000 (*bảy mươi tám triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*); Số gỗ còn lại tại hiện trường có giá trị là 19.996.000 đồng.

Đối với 11 cây gỗ Xoan đào nhóm VI còn lại trong hiện trường vụ án nêu trên, Cơ quan CSĐT chưa xác định được đối tượng khai thác trái phép nên đã tách ra để điều tra xử lý riêng theo Quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 04/02/2021.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Trần Quang H về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần Quang H phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Trần Quang H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày đi thi hành án.

- Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu Nguyễn Văn V, Phạm Văn B và Trần Văn D phải bồi thường thiệt hại, sau khi đã trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường và số gỗ bị cơ quan chức năng thu giữ. Tại phiên toà, Viên, Du, Bình thống nhất bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, không yêu cầu Bị cáo H phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại. Bị cáo Trần Quang H thống nhất theo sự thoả thuận trên.

Đối với cây gỗ do Đỗ N thuê Bị cáo H cưa xẻ, nguyên đơn dân sự không yêu cầu ông Nguyễn phải bồi thường, do theo kết quả định giá thì tổng giá trị thiệt hại của cây gỗ này thấp hơn giá trị định giá đối với số gỗ thành phẩm đã thu giữ tại nhà Nguyễn và số gỗ Nguyễn để lại tại hiện trường. Đỗ N thừa nhận toàn bộ số gỗ do cơ quan chức năng thu giữ tại nhà Nguyễn là số gỗ được khai thác từ cây số 04 như trên và thống nhất như ý kiến của nguyên đơn dân sự.

Đối với thiệt hại phải bồi thường theo Thông tư 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ nông nghiệp phát triển nông thôn do có nhiều vướng mắc, **tại thời điểm phạm tội, chưa có khung giá rừng, Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Bắc Trà My không thể định giá được nên không có cơ sở buộc các bị cáo bồi thường.**

- Về vật chứng của vụ án, gồm:

+ Một cửa máy hiệu STIHL MS381 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; Một lam cửa máy đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu dài 60cm, chỗ rộng nhất 10 cm; Một xích cửa máy đã qua sử dụng. Đối với số vật chứng này cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

+ Đối với vật chứng là lâm sản còn lại tại hiện trường 07 cây gỗ do bị cáo Trần Quang H cửa xẻ, giao toàn bộ số gỗ này cho UBND xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với vật chứng là số gỗ các đối tượng Nguyễn Văn V, Trần Văn D, Phạm Văn B và Đỗ N đã sử dụng để làm nhà, đóng đồ đạc trong nhà. Các đối tượng này có nguyện vọng được tiếp tục sử dụng và chấp nhận bồi thường thiệt hại đã gây ra.

- Đối với các đối tượng Nguyễn Văn V (khai thác 04 cây gỗ Xoan đào $6,467m^3$); Trần Văn D (khai thác 01 cây gỗ Xoan đào $1,354m^3$, vận chuyển gỗ cho ông Nguyễn Văn V $1,784m^3$ và cho ông Đỗ N $1,879m^3$); Đỗ Nguyễn (khai thác 01 cây gỗ Xoan đào $1,879m^3$) và Phạm Văn B (khai thác 01 cây gỗ Xoan đào $3,484m^3$). Các đối tượng này không bàn bạc, thống nhất tổ chức cùng nhau khai thác mà từng người thuê bị cáo Trần Quang H khai thác các cây gỗ ở nhiều vị trí và thời gian khác nhau. Hành vi khai thác gỗ trái phép của từng đối tượng trên chỉ ở mức xử lý vi phạm hành chính, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Trà My đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện Bắc Trà My để xử lý theo quy định.

- Đối với các đối tượng Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L đã tham gia vận chuyển gỗ trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Trà My đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện Bắc Trà My để xử lý theo quy định.

- Đối với các con trâu mà Trần Văn D, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L sử dụng để vận chuyển gỗ trái phép và số tiền công các đối tượng nhận được khi vận chuyển gỗ. Đây là phương tiện vi phạm hành chính và tài sản có được do vi phạm hành chính sử dụng do đó không xem xét xử lý trong vụ án này. Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Trà My đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Hạt kiểm lâm huyện Bắc Trà My để xử lý theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đối tượng thuê Bị cáo H (trừ Đỗ N) khai thác trái phép gỗ phải bồi thường thiệt hại, sau khi đã trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường và số gỗ bị cơ quan chức năng thu giữ.

Đối với thiệt hại theo Thông tư 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 18/6/2018 của Bộ nông nghiệp do Hội đồng định giá tài sản không định giá được nên không yêu bồi thường. Đối với số gỗ còn tại hiện trường và số gỗ thu giữ của ông Nguyễn Văn V và ông Đỗ N nguyên đơn dân sự thống nhất quản lý số gỗ này và xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Đỗ N, Nguyễn Văn V, Trần Văn D, Phạm Văn B) thống nhất giao toàn bộ số gỗ còn tại hiện trường cho

UBND xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và số gỗ thu giữ tại nhà Đỗ N và nhà Nguyễn Văn V để xử lý theo quy định của pháp luật. Nguyễn Văn V, Trần Văn D, Phạm Văn B thống nhất bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, không yêu cầu Bị cáo H phải liên đới bồi thường thiệt hại.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, Bị cáo H khai nhận, trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019 bị cáo đã nhận lời của các đối tượng để chặt hạ, cưa xẻ 07 cây gỗ Xoan đào để lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Khoảng tháng 8 năm 2018 bị cáo đã hạ và cưa xẻ cho Trần Văn D 01 cây Xoan đào (có vị trí, tọa độ như trên), có khối lượng $1,354 \text{ m}^3$. Du trả cho bị cáo số tiền công là 700.000 đ (*bảy trăm ngàn đồng*). Sau đó, Du dùng trâu của mình để vận chuyển số gỗ một phần của cây gỗ trên về nhà, làm các vật dụng trong gia đình. Số gỗ còn lại $0,413 \text{ m}^3$ Trần Văn D bỏ lại tại hiện trường.

Khoảng tháng 4 đến tháng 8 năm 2019, bị cáo đã hạ và cưa xẻ cho Nguyễn Văn V 04 cây gỗ Xoan đào (có vị trí, tọa độ như trên), có khối lượng là $6,467 \text{ m}^3$, Viên trả cho bị cáo 3.400.000 đồng. Nguyễn Văn V thuê Trần Văn D, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn L (Sáu Ký) dùng trâu để vận chuyển phần lớn về nhà Viên và Viên đã sử dụng số gỗ trên để làm nhà. Số gỗ còn lại $0,106 \text{ m}^3$ Viên bỏ lại tại hiện trường. Ngày 10/8/2019, Hạt kiểm lâm huyện đã tạm giữ tang vật vi phạm là 106 tấm gỗ xoan đào, có khối lượng $0,874 \text{ m}^3$ tại nhà Nguyễn Văn V.

Khoảng tháng 7/2019, bị cáo cưa xẻ 01 cây gỗ Xoan đào cho Đỗ N, có khối lượng là $1,879 \text{ m}^3$. Nguyên trả tiền công cho bị cáo 250.000 đồng. Nguyên thuê Trần Văn D dùng trâu để vận chuyển một phần của cây gỗ trên về nhà Nguyên, số gỗ còn lại $0,317 \text{ m}^3$ Nguyên bỏ lại tại hiện trường. Ngày 10/8/2019, Hạt kiểm lâm huyện đã tạm giữ tang vật vi phạm là 10 phách gỗ xoan đào, có khối lượng $1,144 \text{ m}^3$ tại nhà ông Đỗ N.

Khoảng tháng 12/2019, bị cáo hạ và cưa xẻ 01 cây gỗ Xoan đào cho Phạm Văn B, có khối lượng là $3,484 \text{ m}^3$. Bình đã trả cho bị cáo số tiền công là 2.500.000đ (*hai triệu, năm trăm ngàn đồng*). Sau đó, Bình thuê Nguyễn Văn H dùng trâu vận chuyển một số gỗ trên về cho Bình và Bình đã sử dụng để đóng phen nhà và xẻ rui mè làm nhà. Số gỗ còn lại $1,917 \text{ m}^3$ Bình đã bỏ lại tại hiện trường.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 08/2018 đến tháng 12/2019 bị cáo Trần Quang H đã nhận lời để hạ, cưa xẻ 07 cây gỗ Xoan đào, nhóm VI, có tổng khối lượng $13,184 \text{ m}^3$ gỗ, tại khu vực rừng sản xuất là rừng tự nhiên (khu vực Sông Vĩ Lớn) thuộc khoảnh 5, tiểu khu 781, thôn 1, xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam cho các đối tượng Trần Văn D, Nguyễn Văn V, Đỗ N và Phạm Văn B.

Tại văn bản số: 11/HĐ-TTHS ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Trà My xác định lại giá trị lâm sản đối với 07 cây gỗ Xoan đào, có khối lượng 13,184 m³ do bị cáo Trần Quang H đã khai thác có giá trị là 78.306.000 (*bảy mươi tám triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*).

Đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với bản kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập. Như vậy, bản cáo trạng số: 25/CT-VKS, ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Quang H phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Rừng là tài nguyên quốc gia, có ý nghĩa quan trọng đến môi trường sống của con người. Do đó, việc khai thác trái phép rừng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống của con người, đây là hành vi vi phạm pháp luật. Nhận thức rõ điều này nhưng bị cáo Trần Quang H vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã liên tiếp thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2019 bị cáo đã nhận lời đề hạ, cưa xẻ nhiều cây gỗ tại khu vực rừng sản xuất là rừng tự nhiên thuộc khoảnh 5, tiểu khu 781, thôn 1, xã TK, huyện Bắc Trà My. Hành vi của bị cáo gây ra rất nguy hiểm cho xã hội, tác động trực tiếp đến môi trường sống của con người. Hành vi của bị cáo diễn ra liên tiếp, trong thời gian dài, do đó cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội để giáo dục chung và phòng ngừa riêng, nhằm góp phần đấu tranh chống nạn phá rừng đang diễn ra gay gắt và phức tạp trên địa bàn huyện nhà trong thời điểm hiện tại.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự hối hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận về giải quyết dân sự như sau: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu Nguyễn Văn V, Trần Văn D và Phạm Văn B phải bồi thường thiệt hại đối với số gỗ các đối tượng này thuê Bị cáo H khai thác trái phép, sau khi đã trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường và số gỗ bị cơ quan chức năng thu giữ. Nguyễn Văn V, Trần Văn D và Phạm Văn B thống nhất bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, không yêu cầu Bị cáo H phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường, cụ thể:

Trần Văn D có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã TK (chủ rừng) đối với khối lượng gỗ 1,354 m³ (cây số 16), tương ứng với số tiền 8.124.000 đồng, khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường 0,413 m³, tương ứng với số tiền 2.478.000

đồng. Như vậy, thiệt hại mà Trần Văn D phải bồi thường là 8.124.000 đồng- 2.478.000 đồng = 5.646.000 đồng (*năm triệu, sáu trăm, bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Nguyễn Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã TK (chủ rừng) đối với khối lượng gỗ (cây số 13: khối lượng gỗ là 1,784 m³, tương ứng với số tiền 10.704.000 đồng, khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 0,106 m³, tương ứng với số tiền 636.000 đồng; cây số 14: khối lượng gỗ 2,473 m³, tương ứng số tiền 14.838.000 đồng; cây số 15: khối lượng gỗ 0,798 m³, tương ứng với số tiền là 3.900.000 đồng; cây số 17: khối lượng gỗ 1,412 m³, tương ứng với số tiền là 8.472.000 đồng, khối lượng gỗ cơ quan chức năng thu giữ tại nhà Nguyễn Văn V 0,874 m³, tương ứng với số tiền 9.178.000 đồng). Như vậy, thiệt hại mà Nguyễn Văn V phải bồi thường là 10.704.000 đồng + 14.838.000 đồng + 3.900.000 đồng + 8.472.000 đồng – 636.000 đồng- 9.178.000 đồng = 28.100.000 đồng (*hai mươi tám triệu, một trăm ngàn đồng*).

Phạm Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã TK (chủ rừng) đối với khối lượng gỗ (cây số 06: khối lượng gỗ 3,484 m³, tương ứng với số tiền 20.904.000 đồng, khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 1,917 m³, tương ứng với số tiền là 11.876.000 đồng). Như vậy, Phạm Văn B phải bồi thường là 20.904.000 đồng – 11.876.000 đồng = 9.028.000 đồng (*chín triệu, không trăm hai mươi tám ngàn đồng*).

Đối với cây gỗ do Đỗ N thuê Bị cáo H cưa xẻ, nguyên đơn dân sự không yêu cầu Đỗ N phải bồi thường, vì theo kết quả định giá thì tổng giá trị thiệt hại của cây gỗ này thấp hơn giá trị định giá đối với số gỗ thành phẩm đã thu giữ tại nhà Nguyên và số gỗ Nguyên để lại tại hiện trường. Cụ thể: Đỗ N khai thác cây số 04: khối lượng gỗ 1,879 m³, tương ứng số tiền 11.274.000 đồng; khối lượng gỗ còn lại tại hiện trường là 0,317 m³, tương ứng với số tiền 1.585.000 đồng; khối lượng gỗ cơ quan chức năng thu giữ tại nhà Nguyên là 1,144 m³, tương ứng với số tiền 10.870.000 đồng. Tại phiên toà, Đỗ N thừa nhận toàn bộ số gỗ do cơ quan chức năng thu giữ tại nhà Nguyên là số gỗ được khai thác từ cây số 04 như trên và thống nhất như ý kiến của nguyên đơn dân sự. Do đó, về dân sự Đỗ N và bị cáo Trần Quang H không phải bồi thường thiệt hại đối với hành vi khai thác trái phép cây gỗ số 04 này.

Hội đồng xét xử xét thấy thoả thuận trên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường rừng do Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị thiệt hại, hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn về xác định thiệt hại về môi trường rừng nên không có cơ sở để buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị cáo khai thác rừng trái phép phải chịu trách nhiệm về thiệt hại môi trường rừng.

[5] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

- Đối với 01 (một) cưa máy hiệu STIHL MS 381 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 (một) lam cưa máy đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu, dài

60cm, chỗ rộng nhất 10 cm; 01 (một) xích cưa máy đã qua sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số gỗ thu giữ tại hiện trường, gồm: 1,675 m³ gỗ bông hồng; 2,753 m³ gỗ tròn; 0,2057 m³ gỗ xẻ và 1,144 m³ thu giữ tại nhà Đỗ N; 0,874 m³ thu giữ tại nhà Nguyễn Văn V cần giao cho UBND xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền 6.850.000 đồng Bị cáo H có được từ hành vi phạm tội mà có cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

[7] Đối với các đối tượng Đỗ N, Trần Văn D, Nguyễn Văn V, Phạm Văn B thuê Bị cáo H khai thác gỗ trái phép nhưng hành vi của các đối tượng này độc lập, không đủ khối lượng để xác định là tội phạm nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My đã chuyển hồ sơ của các đối tượng này cho Hạt kiểm lâm huyện Bắc Trà My xử lý hành chính là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với các con trâu mà các đối tượng dùng để vận chuyển gỗ từ rừng về nhà các đối tượng là tài sản chung của gia đình, chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nên Hội đồng xét xử xác định không phải là phương tiện phạm tội nên không tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 232; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần Quang H phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Quang H **09 (chín)** tháng tù, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về dân sự: áp dụng các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thoả thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và Trần Văn D, Nguyễn Văn V và Phạm Văn B, cụ thể:

Trần Văn D có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ủy ban nhân dân xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (chủ rừng) số tiền 5.646.000 đồng (*năm triệu, sáu trăm, bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Nguyễn Văn V có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ủy ban nhân dân xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (chủ rừng) số tiền 28.100.000 đồng (*hai mươi tám triệu, một trăm ngàn đồng*).

Phạm Văn B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ủy ban nhân dân xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam (chủ rừng) số tiền 9.028.000 đồng (*chín triệu, không trăm hai mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung tiêu huỷ: 01 (một) cưa máy hiệu STIHL MS 381, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; 01 (một) lam cưa máy đã qua sử dụng, không rõ nhãn hiệu dài 60cm, chỗ rộng nhất 10 cm; 01 (một) xích cưa máy, đã qua sử dụng.

- Giao toàn bộ số gỗ thu giữ tại hiện trường, gồm: 1,675 m³ gỗ bông hồng; 2,753 m³ gỗ tròn; 0,2057 m³ gỗ xẻ và 1,144 m³ thu giữ tại nhà Đỗ N; 0,874 m³ thu giữ tại nhà Nguyễn Văn V cho UBND xã TK, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Truy thu số tiền 6.850.000 đồng của bị cáo Trần Quang H để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Quang H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Văn V phải chịu 1.405.000 đồng (*một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Trần Văn D phải chịu 282.300

đồng (*hai trăm tám mươi hai ngàn ba trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Phạm Văn B phải chịu 451.400 đồng (*bốn trăm năm mươi một ngàn bốn trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/5/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bắc Trà My;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại